

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 20/2017/LĐ-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Trường

Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2017/TLST-LĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-LĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Tống Phước N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 373/172 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 64 Huỳnh Văn Bánh, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Phan Dương Hồng K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 80 Vũ Tùng, phường 1, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

4. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 25/15 Đoàn Giỏi, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

5. Ông Phạm Bá Đ, sinh năm 1959;

- Địa chỉ: Số 1, Tứ Hải, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
6. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Số 791/92 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
7. Ông Lê Quốc T, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Số 336 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
8. Bà Lâm Thị Mỹ P, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Số 51 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
9. Bà Đoàn Thị Ngọc L, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Số 209/76A1 Tôn Thất Thuyết, phường 3, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.
10. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Số 76 Nguyễn Duy, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
11. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Số 97 Duy Tân, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
12. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số 19/9 Bến Mễ Cốc, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.
13. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Số 2/16 Tăng Bạt Hổ, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
14. Bà Nguyễn Phan Quỳnh N, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Số 690/2 Lê Hồng Phong, phường 10, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
15. Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Xóm 10, thôn An Chánh, xã Tây Bình, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
16. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Số 639/73/5 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
17. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 459/8 Lý Thái Tổ, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

18. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 358/1 tổ 10, khu phố 3A, Hà Huy Giáp, phường Thanh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn nêu trên: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Phước Lộc, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

19. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 21, ấp Phước Hưng, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

20. Bà Dương Thị Quỳnh H, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Số 1817 tổ 4, ấp Hiền Hòa, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

21. Bà Hoàng Thị Tường V, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Bến Đình, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

22. Ông Vũ Văn V, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 1, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

23. Ông Phan Trung T, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Mỹ Tân, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn G (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông A- là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc Công ty)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh B (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hồng H, là Trưởng phòng Khai thác và Thu nợ (văn bản ủy quyền số 395/BHXXH ngày 10 tháng 4 năm 2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Trung Ng là người được các nguyên đơn ông Tống Phước N, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Phan Dương Hồng K, ông Phạm Thanh T, ông Phạm Bá Đ, bà Nguyễn Thị V, ông Lê Quốc T, bà Lâm Thị Mỹ P, bà Đoàn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Phan Quỳnh N, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N ủy quyền trình bày:

1/. Ông Tống Phước N làm việc tại Công ty TNHH G từ tháng 4/2004 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, ông N có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, ông N yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông N từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho ông.

2/. Bà Nguyễn Thị Thanh V làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 12/2005 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà V có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà V yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà V từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

3/. Bà Phan Dương Hồng K làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 07/2002 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà K có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà K yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà K từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

4/. Ông Phạm Thanh T làm việc tại công ty TNHH Gạch Men Mỹ Đức từ tháng 11/2003 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng đề nghị Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, ông T có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, ông T yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông T từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho ông.

5/. Ông Phạm Bá Đ làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 9/2000 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng đề nghị Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, ông Đ có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, ông Đ yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Đ từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho ông.

6/. Bà Nguyễn Thị V làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 10/2013 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 12/2014, bà V và Công ty đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2014 Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà V.

Nay, bà V yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà V từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2014 và chốt sổ cho bà.

7/. Ông Lê Quốc T làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 11/2002 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng đề nghị Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, ông T có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, ông T yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông T từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho ông.

8/. Bà Lâm Thị Mỹ P làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 10/2010 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 12/2014, bà P và Công ty TNHH G thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2014 Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà P.

Nay, bà P yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà P từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2014 và chốt sổ cho bà.

9/. Bà Đoàn Thị Ngọc L làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 9/1999 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà L có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà L yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà L từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

10/. Bà Nguyễn Thị Kim H làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 9/2007 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà H có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà H yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà H từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

11/. Bà Nguyễn Thị Kim D làm việc tại công ty TNHH Gạch Men Mỹ Đức từ tháng 8/2005 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà D có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B Tàu để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà D yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà D từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

12/. Ông Nguyễn Thanh H làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 03/2011 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, ông H có liên hệ với cơ quan

Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, ông H yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho ông.

13/. Ông Nguyễn Quang H làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 01/2007 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, ông H có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, ông H yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho ông.

14/. Bà Nguyễn Phan Quỳnh N làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 01/1999 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Ngày 25/4/2014, bà N và Công ty TNHH G thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2014 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà N.

Nay, bà N yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2014 và chốt sổ cho bà.

15/. Bà Nguyễn Thị Thanh L làm việc tại Công ty TNHH G từ tháng 02/2012 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà L có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà L yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà L từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

16/. Bà Nguyễn Thị Thanh H làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 4/2013 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 6/2016, bà H và Công ty đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, từ tháng 04/2013 đến tháng 4/2015, phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà H.

Nay bà H yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà H từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

17/. Bà Nguyễn Thị S làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 6/1998 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà S có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà S yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà S từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

18/. Bà Nguyễn Thị N làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 01/2012 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 3/2014, bà N và Công ty đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, từ tháng 6/2012 đến tháng 2/2014 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà N.

Nay bà N yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 6/2012 đến tháng 02/2014 và chốt sổ cho bà.

19/. Bà Hoàng Thị S làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 8/1999 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà S có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà S yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà S từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

20/. Bà Dương Thị Quỳnh H làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 8/1999 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà H có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà H yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà H từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

21/. Bà Hoàng Thị Tường V làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 10/1999 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, bà V có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, bà V yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà V từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho bà.

22/. Ông Vũ Văn V làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 9/2005 và các bên có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Vị trí công việc của ông V là giám sát sản xuất với mức lương là 10.663.000 đồng/tháng. Trước đây, do Công ty không trả lương nên ông V đã khởi kiện Công ty để chấm dứt hợp đồng lao động và sự việc đã được giải quyết.

Nay, ông V yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông V từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho ông.

23/. Ông Phan Trung T làm việc tại công ty TNHH G từ tháng 01/2010 và giữa các bên có ký hợp đồng lao động.

Đến tháng 02/2015, Công ty thông báo tạm ngừng để nghỉ Tết nguyên đán, nhưng sau đó không hoạt động trở lại. Sau đó, ông T có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để chốt sổ nhưng không được chấp nhận vì lý do từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 phía Công ty vẫn chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp người lao động.

Nay, ông T yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Trục từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015 và chốt sổ cho ông.

- **Bị đơn Công ty TNHH G:** Vắng mặt.

- **Bảo hiểm xã hội tỉnh B:**

Tính đến ngày 31/5/2017, Công ty TNHH G còn nợ quỹ Bảo hiểm xã hội với tổng số tiền là 18.196.834.482 đồng. Trong đó:

+ Nợ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với số tiền là 11.640.283.318 đồng;

+ Lãi chậm nộp là 6.556.551.164 đồng.

Theo Bản kê danh sách chi tiết thì hiện nay Công ty TNHH G chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho các nguyên đơn, cụ thể như sau:

+ Ông Tống Phước N, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Phan Dương Hồng K, ông Phạm Thanh T, ông Phạm Bá Đ, ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị S, bà Hoàng Thị S, bà Dương Thị Quỳnh H, bà Hoàng Thị Tường V, ông Vũ Văn V, ông Phan Trung T từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015;

+ Bà Nguyễn Thị V từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2014;

+ Bà Lâm Thị Mỹ P từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2014;

+ Bà Nguyễn Phan Quỳnh N từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2014;

+ Bà Nguyễn Thị N từ tháng 6/2012 đến tháng 02/2014.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa; tuy nhiên vụ án đã vi phạm về thời hạn giải quyết theo quy định;

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các nguyên đơn và cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp nhận thấy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do các nguyên đơn cung cấp, xác định vụ án trên thuộc loại quan hệ “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành niêm các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho phía bị đơn Công ty TNHH G theo đúng quy định của pháp luật nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Đối với các Hợp đồng lao động được ký kết trước đây giữa các nguyên đơn với Công ty TNHH G có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và được xác lập bởi người có thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Nhận thấy, vào ngày 19/6/2017 Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh B đã ra Thông báo số 36/TB-BQL-ĐT về việc chấm dứt hoạt động của dự án Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng - Công ty TNHH G. Tuy nhiên, từ tháng 6/2012 cho đến ngày 31/5/2017 phía Công ty vẫn chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho những người lao động đã làm việc tại Công ty nên những người lao động vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền chốt sổ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn vắng mặt và không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về thời gian chưa đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật và cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Tống Phước N, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Phan Dương Hồng K, ông Phạm Thanh T, ông Phạm Bá Đ, ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị S, bà Hoàng Thị S, bà Dương Thị Quỳnh H, bà Hoàng Thị Tường V, ông Vũ Văn V, ông Phan Trung T từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015; đóng cho bà Nguyễn Thị V từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2014; đóng cho bà Lâm Thị Mỹ P từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2014; đóng cho bà Nguyễn Phan Quỳnh N từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2014 và đóng cho bà Nguyễn Thị N từ tháng 6/2012 đến tháng 02/2014 là chính đáng và thời gian yêu cầu đóng bảo hiểm là hoàn toàn phù hợp với Bản danh sách chi tiết ngày 04/8/2017 do cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B cung cấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Các nguyên đơn không phải chịu; Công ty TNHH G phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 18, 91, 92 và khoản 3 Điều 138 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; khoản 3 Điều 122 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 13, Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 49 của Luật bảo hiểm y tế năm 2008; khoản 3 Điều 49 của Luật

bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”.

2. Buộc Công ty TNHH G phải có nghĩa vụ tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho các nguyên đơn, cụ thể như sau:

Đóng cho ông Tống Phước N, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Phan Dương Hồng K, ông Phạm Thanh T, ông Phạm Bá Đ, ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị S, bà Hoàng Thị S, bà Dương Thị Quỳnh Hư, bà Hoàng Thị Tường V, ông Vũ Văn V và ông Phan Trung T từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015;

Đóng cho bà Nguyễn Thị V từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2014;

Đóng cho bà Lâm Thị Mỹ P từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2014;

Đóng cho bà Nguyễn Phan Quỳnh N từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2014;

Đóng cho bà Nguyễn Thị N từ tháng 6/2012 đến tháng 02/2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người sử dụng lao động chưa thực hiện nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thì ngoài số tiền chưa đóng, còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại thời điểm đóng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa